

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2012

QUY ĐỊNH

Phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2012 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm
2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp do ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí.
2. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quy định này.
3. Quy định này áp dụng cho mọi tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách địa phương đảm bảo.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Hàng năm, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí đảm bảo chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường không thấp hơn chỉ tiêu hướng dẫn chi sự nghiệp môi trường do Bộ Tài chính thông báo.
2. Đối với các dự án, đề án bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường phải đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng quản lý và quyết toán kinh phí đã sử dụng, thực hiện chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Chương II

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

1. Đảm bảo cho hoạt động quan trắc và phân tích chất lượng môi trường cho hệ thống mạng lưới quan trắc môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xây dựng, thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án, gồm:

a) Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do tỉnh quản lý (đối với các dự án có tính chất chỉ sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường) thuộc danh mục dự án theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích và Quyết định số 38/2011/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008.

b) Thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, xử lý, chôn lấp chất thải ở địa bàn địa phương quản lý; vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.

c) Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, các cơ sở giam giữ của Nhà nước do địa phương quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.

d) Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường tại địa phương; bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường, hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường.

4. Quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật trên địa bàn tỉnh.

5. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường địa phương (bao gồm thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.

6. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của địa phương; báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; điều tra, khảo sát, dự báo diễn biến

môi trường; điều tra, thống kê, đánh giá chất thải, tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh.

7. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường ở địa phương; xây dựng chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

8. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương.

9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, dự hội nghị, hội thảo về bảo vệ môi trường.

10. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

11. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế, cơ quan trung ương hỗ trợ tỉnh về bảo vệ môi trường (nếu có).

12. Hỗ trợ Quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh (nếu có).

13. Hỗ trợ cho các địa phương theo các dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

14. Các hoạt động khác liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Điều 4. Nhiệm vụ chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện)

1. Xây dựng báo cáo môi trường định kỳ, đột xuất; chi điều tra, thống kê, đánh giá chất thải, tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn nghiệp vụ, dự hội nghị, hội thảo về bảo vệ môi trường.

3. Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, xử lý chôn lấp rác thải, vệ sinh môi trường khu dân cư, nơi công cộng trên địa bàn.

4. Hỗ trợ xử lý chất thải cho các cơ sở y tế, trường học của Nhà nước do huyện, thị xã, thành phố quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.

5. Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền.

6. Xây dựng chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường; hoạt động quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học; xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn.

7. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện thực hiện theo quy định tại Nghị định 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ.

8. Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

9. Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

10. Chi các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 5. Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường trên địa bàn cấp xã.

2. Hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp xã.

3. Hỗ trợ hoạt động giảm thiểu, thu gom vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trên địa bàn.

4. Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã thực hiện theo quy định tại Nghị định 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ.

5. Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

Điều 6. Mức chi:

Mức chi thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thực hiện theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường theo quy định này; tổng hợp các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng

kinh phí sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường của các cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách của tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xác định tổng mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của ngân sách địa phương.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường của các sở, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các cấp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt; hướng dẫn các đơn vị thụ hưởng kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện thanh, quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh về chế độ quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường nhằm đảm bảo sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Vào tháng 7 hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ tại khoản 2 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường để lập dự toán chi sự nghiệp môi trường năm sau theo hướng dẫn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định.

2. Bố trí ngân sách địa phương thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này; tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý vi phạm đối với các đơn vị trực thuộc trong việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường theo phân cấp.

3. Tổng hợp, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm theo đúng quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường

1. Vào tháng 7 hàng năm, căn cứ vào trách nhiệm của đơn vị mình, các nhiệm vụ liên tịch, phối hợp thuộc phạm vi quản lý, tại các Điều 3, 4, 5 Quy định này và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường lập đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường năm sau đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của mình, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng

hợp vào kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh để gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, phân bổ và thực hiện đúng nội dung đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí đã được phê duyệt, phân bổ.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường phải thực hiện đúng các quy định Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT và nội dung Quy định này. Hàng năm, sau khi quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính, các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thị xã, thành phố tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; vào đầu quý II hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm trước ở cấp mình về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi, giám sát./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lê Minh Hoan